BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI

(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Kế toán 2 - K12 **Ngành:** Kế toán **Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp	Kế toán chi phí												ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	4	3												40				
1	0910090179	Phạm	Thìn	5	7	5	6	7	5	0	7	6	2	1	6	7												5.24		2	6	TB
2	1010090040	Lê Thị Thanh	Hiếu	6	6	6	6	7	7	9	7	6	5	2	5	8												5.72		1	3	TB
3	1010130075	Thái Phan Thị Hồng	Nhung	6	5	5	6	6	5	9	7	6	8	6	6	8												6.06				TB Khá
4	1010130076	Huỳnh Kim	Oanh	7	5	6	7	7	6	6	7	6	5	1	4	6												5.46		2	7	TB
5	1010130077	Phạm Nguyên Tường	Oanh	8	6	6	7	7	7	7	7	6	8	7	7	6												6.60				TB Khá
6	1010130078	Lê Thị	Phi	8	5	6	7	7	6	10	7	7	8	5	6	7												6.35				TB Khá
7	1010130079	Đào Nguyên	Phúc	7	7	6	6	7	8	8	7	7	9	9	5	7												6.83				TB Khá
8	1010130080	Nguyễn Hồng	Phúc	8	7	7	7	7	7	8	7	7	8	6	7	6												6.78				TB Khá
9	1010130081	Trương Thị Lan	Phương	6	6	6	7	6	7	7	6	7	5	5	7	7												6.08		1	3	TB Khá
10	1010130083	Lâm Thị	Phượng	7	5	6	7	7	7	9	9	6	8	3	5	8												6.38		1	3	TB Khá
11	1010130084	Phan Thị	Quí	5	6	6	8	7	6	7	7	8	7	7	6	7												6.44				TB Khá
12	1010130085	Nguyễn Nhật	Sỏi	8	8	6	8	7	7	9	7	9	9	5	7	6												7.09				Khá
13	1010130086	Võ Thị Diễm	Sương	7	6	6	7	6	5	6	7	6	8	5	6	6												6.01				TB Khá
14	1010130087	Nguyễn Thị Thu	Sương	7	5	5	6	6	6	7	8	6	4	3	6	6												5.56		2	6	TB
15	1010130089	Trầm Chí	Tâm	7	6	5	6	7	8	7	7	8	7	4	7	7												6.44		1	3	TB Khá
16	1010130090	Nguyễn Thị	Thạch	7	8	7	7	7	8	8	6	9	8	8	8	6												7.21				Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp	Kế toán chi phí												ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	4	3												40				
17	1010130092	Võ Đại	Thành	7	5	4	7	7	6	10	7	6	8	0	5	6												5.55		2	5	TB
18	1010130093	Nguyễn Thị Thu	Thảo	6	5	6	6	6	7	6	7	6	7	1	3	8												5.40		2	7	TB
19	1010130094	Đào Nguyễn Phương	Thảo	7	7	5	5	7	8	5	6	6	7	7	4	6												5.91		1	4	TB
20	1010130095	Trịnh Thị Phương	Thảo	6	5	5	7	7	7	7	6	6	5	1	5	6												5.36		2	6	TB
21	1010130097	Nguyễn Thị Phương	Thảo	6	5	6	7	7	7	8	7	6	4	4	6	6												5.76		2	6	TB
22	1010130098	Mai Thị Phương	Thảo	6	5	6	7	6	8	5	6	6	5	3	6	6												5.73		1	3	TB
23	1010130099	Nguyễn Thị Thu	Thảo	7	6	5	7	7	6	7	0	0	0	0	0	0												3.18		6	19	Kém
24	1010130100	Nguyễn Vi Nhật	Thảo	8	6	6	6	7	8	9	7	6	8	5	4	6												6.19		1	4	TB Khá
25	1010130101	Phạm Thị Thu	Thảo	7	5	5	7	7	7	5	6	6	6	3	4	6												5.58		2	7	TB
26	1010130102	Nguyễn Ngọc	Thảo	7	6	5	6	7	5	8	8	6	6	3	5	6												5.53		1	3	TB
27	1010130105	Dương Quốc	Thịnh	6	6	4	7	6	6	7	7	8	8	2	6	7												5.94		2	5	TB
28	1010130106	Đỗ Thị Hoài	Thương	8	6	6	6	7	9	8	7	8	5	4	5	7												6.33		1	3	TB Khá
29	1010130107	Trần Thị	Thương	7	6	7	8	7	6	8	7	7	8	5	6	6												6.45		1	3	TB Khá
30	1010130108	Nguyễn Thị Hoài	Thương	7	5	6	8	7	6	7	7	8	8	4	6	7												6.42		1	3	TB Khá
31	1010130109	Phạm Thị Ngọc	Thúy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												0.00		12	39	Kém
32	1010130110	Nguyễn Ngọc	Thủy	7	5	6	8	7	8	8	6	6	7	5	5	6												6.38				TB Khá
33	1010130111	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	8	6	6	7	7	6	8	7	9	9	4	5	6												6.49		1	3	TB Khá
34	1010130112	Phạm Thị Thu	Thủy	6	6	8	8	6	9	8	7	7	8	5	5	7												6.68		1	4	TB Khá
35	1010130113	Nguyễn Thị Thúy	Thủy	7	7	7	8	7	8	9	8	9	8	3	8	8												7.31		1	3	Khá
36	1010130114	Trần Ngọc	Tiên	7	8	6	6	6	8	5	5	6	6	7	6	6												6.21				TB Khá
37	1010130115	Hà Thị	Tình	7	5	4	6	7	7	8	6	6	4	1	4	6												5.06		4	12	TB
38	1010130116	Lý Trọng	Toàn	6	5	5	7	7	6	7	8	7	6	2	5	6												5.65		1	3	TB

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp	Kế toán chi phí												ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	4	3												40				
39	1010130117	Nguyễn Thị Bích	Trâm	6	5	5	5	6	7	7	6	6	6	3	5	6												5.37		1	3	TB
40	1010130118	Đoàn Thị Mỹ	Trang	7	6	7	6	7	7	7	7	7	5	4	7	6												6.19		1	3	TB Khá
41	1010130119	Lê Thị Kiều	Trang	8	6	6	6	7	9	8	7	7	7	8	6	6												6.64				TB Khá
42	1010130120	Vũ Thị	Trang	7	7	8	7	7	7	7	7	8	8	6	7	7												7.01				Khá
43	1010130121	Phạm Thị Thu	Trang	7	7	5	7	7	7	9	7	6	7	6	7	7												6.54				TB Khá
44	1010130122	Lê Thị Ngọc	Trang	9	6	6	7	7	7	6	7	9	8	10	6	8												7.18				Khá
45	1010130123	Võ Thị Thùy	Trang	7	6	6	7	7	6	8	7	6	5	4	5	6												5.83		1	3	TB
46	1010130124	Nguyễn Ngọc Thanh	Trang	6	5	5	6	7	8	7	7	6	4	6	7	8												6.12		1	3	TB Khá
47	1010130125	Nguyễn Vũ Hoài	Trang	6	7	6	7	7	6	9	8	9	8	6	7	7												6.69				TB Khá
48	1010130126	Trương Thiên	Trang	7	5	5	7	7	7	6	6	6	6	5	6	6												6.01				TB Khá
49	1010130128	Trần Mạnh	Triến	7	5	5	6	7	6	10	7	7	8	3	5	6												5.78		1	3	TB
50	1010130129	Phan Minh	Triều	6	6	6	7	7	6	8	8	6	8	5	7	6												6.32				TB Khá
51	1010130130	Đỗ Lê Ngọc	Trinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												0.00		12	39	Kém
52	1010130131	Võ Thị Bảo	Trinh	7	7	5	6	7	6	8	8	7	6	5	7	6												6.12		1	3	TB Khá
53	1010130132	Lê Thị Kim	Trúc	8	6	6	6	7	5	9	8	9	5	5	7	7												6.27		1	3	TB Khá
54	1010130133	Hà Thanh	Truyền	6	7	6	7	7	7	6	8	6	8	5	7	6												6.37		1	3	TB Khá
55	1010130134	Nguyễn Võ Ngọc	Tú	7	8	7	8	7	8	8	9	8	8	7	8	6												7.38				Khá
56	1010130135	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	8	7	7	7	7	7	9	9	9	8	7	7	8												7.31				Khá
57	1010130136	Lê Thị Cẩm	Tú	7	5	5	7	7	6	6	6	6	3	3	5	7												5.44		3	8	TB
58	1010130137	Lê Dương	Tuyến	6	6	5	7	6	8	7	7	7	8	2	7	7												6.15		1	3	TB Khá
59	1010130138	Lưu Minh	Tuyền	7	5	6	7	7	6	6	7	7	7	4	7	7												6.15		1	3	TB Khá
60	1010130139	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	7	7	6	8	7	7	9	8	8	7	5	6	8												6.79		1	3	TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp	Kế toán chi phí													ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	4	3													40				
61	1010130140	Trần Cẩm	Vân	8	7	8	7	7	7	7	8	7	8	9	7	7													7.31				Khá
62	1010130141	Nguyễn Kiều	Vân	7	8	7	7	7	6	9	7	8	9	6	6	6													6.79				TB Khá
63	1010130142	Nguyễn Thị Bích	Vân	7	7	5	8	7	6	7	7	6	4	5	5	8													6.08		1	3	TB Khá
64	1010130143	Phan Thị	Viên	7	6	6	6	7	7	8	8	7	5	4	7	7													6.26		1	3	TB Khá
65	1010130145	Nguyễn Thị Hương	Xuân	8	6	7	8	7	9	7	8	8	6	6	6	8													7.09				Khá
66	1010130146	Mai Thị Ngọc	Xúy	7	6	5	6	7	8	6	8	7	4	5	4	6													5.96		2	7	TB
67	1010130147	Đỗ Thị Kim	Yến	6	5	6	7	7	5	8	7	7	4	2	4	7													5.47		3	10	TB
68	1010130148	Nguyễn Ngọc Kim	Yến	8	6	6	8	7	8	8	7	8	8	5	8	7													7.05				Khá
69	1010130149	Nguyễn Thúy	Bình	6	6	6	6	7	5	7	7	7	7	2	6	7													5.65		2	7	TB

Tổng danh sách này có:69 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	34	49
Giỏi	0	0.00	Trung bình	22	32
Khá	10	14.49	Yếu kém	3	4

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..../..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo **Người lập bảng**